

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2020.

“V/v xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:*  
Không tham gia.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Hà Linh D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 20/3/2020; ngày 09/4/2020 và tại phiên tòa chị Bùi Thị Thu T trình bày:* Chị và anh Hà Linh D tự tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1997, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 13 ngày 23/9/1998). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 02 con chung tên Hà Xuân T, sinh ngày 02/10/2008 và Hà Thanh X, sinh ngày 07/4/2016. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D thường xuyên ăn nhậu kiếm chuyện chửi mắng vợ con, chị và

anh D đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Từ khi chị và anh D ly thân cho đến nay, các con chung do chị nuôi dưỡng.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh D không còn, không thể nào hàn gắn, chung sống lại được với nhau nên yêu cầu được ly hôn cùng với anh Hà Linh D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Xuân T, sinh ngày 02/10/2008 và Hà Thanh X, sinh ngày 07/4/2016, hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Qua xác nhận của chính quyền địa phương, anh D hiện nay vẫn còn đang sinh sống và cư trú tại địa chỉ Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D đúng theo quy định, nhưng anh D vắng mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thu T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, đối với ông Hà Linh D. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào xác nhận của Công an thị trấn T, hiện anh D vẫn còn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đối với anh Hà Linh D, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị Bùi Thị Thu T xin ly hôn đối với anh Hà Linh D và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung của chị T và anh D. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu T với anh Hà Linh D là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến chị và anh D ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng anh D không có mặt theo

thông báo của Tòa án. Chứng tỏ rằng, không quan tâm gì đến hôn nhân của anh, anh cũng không muốn hàn gắn, chung sống lại với nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh D có sinh được 02 con chung tên Hà Xuân T, sinh ngày 02/10/2008 và Hà Thanh X, sinh ngày 07/4/2016, hiện nay đang sống với chị T. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị T và anh D ly thân cho đến nay, con chung của chị T với anh D do chị T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị T vẫn đảm bảo cho cháu T và cháu X có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại đơn yêu cầu ngày 20/3/2020 cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T và cháu X cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh D được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị T trình bày chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị T với anh D trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thu T đối với anh Hà Linh D theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 04 ngày 23/9/1998, của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cho chị Bùi Thị Thu T và anh Hà Linh D được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Bùi Thị Thu T và anh Hà Linh D tên Hà Xuân T, sinh ngày 02/10/2008 và Hà Thanh X, sinh ngày 07/4/2016, cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Hà Linh D không cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Hà Linh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005975 ngày 19/02/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND TT. Tràm Chim;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Hoàng Vũ**